

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Duy L, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn NT, xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn XQ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Duy L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu 01 tháng, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2015 tại UBND xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ chồng tại Thôn NT, xã XH, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Đỉnh điểm mâu thuẫn vào cuối năm 2022 chị M mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019. Ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được nuôi cả hai con thì nguyện vọng của anh là được nuôi dưỡng cháu Lê Duy B, còn chị M nuôi dưỡng cháu Lê Thị Anh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Duy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua giới thiệu của gia đình hai bên gặp nhau một lần, sau 15 ngày thì cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã XK (nay là xã XH) huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 11/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại xã XK. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng với nhau và giữa chị với mẹ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm vào tháng 11 năm 2022 anh L đánh chị nên chị đã mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay anh L xin ly hôn, chị xác định cũng không còn tình cảm với anh L nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Nếu không được nuôi cả hai con thì nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng cháu Lê Duy B.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Duy L đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã XH, huyện TX. Sau khi kết hôn, anh L, chị M sinh sống trên Thọ Xuân. Quá trình chung sống anh, chị hạnh phúc hay mâu thuẫn, chính quyền địa phương không nắm bắt được. Đến cuối năm 2022 chị M mang 02 con về địa phương sinh sống. Hiện nay 03 mẹ con chị M ở cùng mẹ chị M là bà Nguyễn Thị M và chưa đăng ký tạm trú tại thôn XQ. Hiện tại 02 con của chị M có 01 cháu học ở trung tâm ngoại ngữ, một cháu còn nhỏ ở nhà. Anh Linh xin ly hôn chị M thì đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh Linh và chị M có 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019. Hiện nay hai cháu đang ở với chị M. Anh L, chị M ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để đảm bảo việc giao nuôi con cho phù hợp với sự phát triển toàn diện của các cháu. Chị M hiện đi làm ở công ty, cụ thể ở đâu thì thôn không nắm bắt được. Về tài sản, công nợ: Chính quyền địa phương không nắm bắt được anh L, chị M có tài sản hay công nợ chung không, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị Nguyễn Thị M giao nộp tài liệu chứng cứ về điều kiện nuôi con nhưng chị M không giao nộp được.

Tòa án tiến hành ghi lời khai của cháu Lê Thị Anh T, theo báo cáo của chị Nguyễn Thị M thì cháu T hơi chậm phát triển, đang học lớp 1 thì không theo học nữa nên cháu không biết viết. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2023 cháu Lê Thị Anh T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng được giao cháu Lê Duy B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Anh T cho chị Mơ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, nếu không được thì đề nghị giao cháu Lê Duy B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị đã đăng ký tạm trú và đang làm ở công ty, thu nhập 7.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 55, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Duy L và chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh L và chị M có 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019. Anh, chị ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào độ tuổi, giới tính và khả năng nhận thức của các cháu nên giao cháu Lê Thị Anh T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Duy B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Lê Duy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Duy L và chị Nguyễn Thị M là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn XQ, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:* Anh Lê Duy L và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng với nhau và mẹ chồng nàng dâu. Đến cuối năm 2022 thì chị Mơ mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị M là phù hợp theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con*: Quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019. Ly hôn quan điểm của anh, chị là được nuôi dưỡng cháu Lê Duy B. Xét nguyện vọng nuôi con của cả hai người đều chính đáng, về điều kiện nuôi con cả anh L và chị M đều có thu nhập. Tuy nhiên, do cháu Anh T chậm phát triển, lại là nữ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu B tuy ít tuổi hơn nhưng là nam nên giao cho bố chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Anh T cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Duy Bảo cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Lê Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 55; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Duy L và chị Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Công nhận 02 con chung là Lê Thị Anh T, sinh ngày 06/11/2016 và Lê Duy B, sinh ngày 21/01/2019 là con chung của anh L, chị M. Giao cháu Lê Thị Anh T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Duy B cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L, chị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Duy L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/202/0000531 ngày 06/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã XH, huyện TX;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Liên